

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thu Lan;

Bà Trịnh Thị Sớm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hải Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 752/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 795/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương Đăng T, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thùy N, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2020, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là anh Lương Đăng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Đăng T tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thùy N vào ngày 08 tháng 08 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn Đ, xã T được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan

điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, nghi ngờ nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng lớn đến cuộc sống, sinh hoạt. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Về con chung: Anh chị có hai con là Lương Đăng Thái B sinh ngày 18 tháng 5 năm 2009 và Lương Thị Bảo H sinh ngày 29 năm 8 năm 2011. Anh T nhận nuôi cháu B và đề nghị giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai người đều làm nghề tự do và mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thùy N có lời khai thể hiện chị thống nhất với lời khai của anh T trình bày về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Còn nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do anh T không thủy chung. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị không muốn các con không có bố nên không đồng ý ly hôn với anh T. Về con chung: Có hai con như anh T đã trình bày là đúng, nếu ly hôn chị nhận nuôi hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng năm triệu đồng cho hai con. Về tài sản chung chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh chị đều vắng mặt nên không có lời khai.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án nhân dân huyện An Lão đã xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án, tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đều được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 173, Điều 177, Điều 203, Điều 208, Điều 209, Điều 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn về cơ bản đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 72 và 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lương Đăng T được ly hôn chị Nguyễn Thùy N. Về con chung: Giao con Lương Đăng Thái B sinh ngày 18 tháng 05 năm 2009 cho anh T nuôi dưỡng và giao con Lương Thị Bảo H sinh ngày 29 tháng 8 năm 2011 cho chị N nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con

cho nhau. Về tài sản chung anh chị không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lương Đăng T có đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thùy N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N là bị đơn trong vụ án và cư trú tại thôn Đại Điền, xã Tân Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ những tài liệu sau đối với chị N: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản đã tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 và anh T cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trong bản tự khai, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện anh Lương Đăng T và chị Nguyễn Thùy N xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 08-08-2008. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi chung sống được một thời gian giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, nghi ngờ nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, sinh hoạt. Anh chị đã sống ly thân một thời gian nhưng không tìm được giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với chị N, chị N không đồng ý ly hôn với lý do không muốn con không có bố là không thuyết phục. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tiến hành hòa giải mặc dù đã được thông báo hợp lệ nhưng chị N vẫn không có mặt tại phiên hòa giải không có lý do. Điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của chị N. Như vậy có thể thấy rằng anh chị không còn yêu thương, quý trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung trong

cuộc sống, mức độ mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho anh chị được ly hôn.

[4] Về con chung: Anh T nhận nuôi con Lương Đăng Thái B sinh ngày 18 tháng 5 năm 2009 và đề nghị giao con Lương Thị Bảo H sinh ngày 29 tháng 8 năm 2011 cho chị N nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia. Chị N nhận nuôi hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng năm triệu đồng. Theo nội dung đơn đề nghị, cháu H có nguyện vọng muốn được ở với chị N và cháu B có nguyện vọng được ở với anh T. Xét đề nghị nuôi con của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên anh chị đều làm nghề tự do, có điều kiện đảm bảo cho con ăn học, chăm sóc chu đáo. Vì vậy cần giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo, phù hợp với điều kiện của anh chị, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với việc chăm sóc giới tính và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Bảo cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Hân cho chị N nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh chị đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh T là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh chị được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Đăng T được ly hôn chị Nguyễn Thùy N.

2. Về con nuôi con chung: Giao con Lương Đăng Thái B sinh ngày 18 tháng 5 năm 2009 cho anh Lương Đăng T nuôi dưỡng, giao con Lương Thị Bảo H sinh ngày 29 tháng 8 năm 2011 cho chị Nguyễn Thùy N nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Lương Đăng T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Lương Đăng T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011472 ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Anh Lương Đăng T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Lương Đăng T và chị Nguyễn Thùy N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSNK TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Viên;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

